

## ĐẶC ĐIỂM CỦA BIẾN THỂ CÚ PHÁP TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ TIẾNG VIỆT

### FEATURES OF SYNTAX VARIATION IN VIETNAMESE IDIOMS AND PROVERBS

*Hoàng Thị Yên\**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/06/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/12/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/12/2021

**Tóm tắt:** Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả định tính theo hướng nghiên cứu đồng đại nhằm làm rõ các đặc điểm cú pháp của các đơn vị biến thể trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Khác với nhóm biến thể nghĩa bất biến, ở nhóm biến thể nghĩa khả biến, các hiện tượng biến thể xuất hiện ở hầu hết các cấp độ ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến thể cú pháp được hình thành theo hai phương thức là thêm từ và đảo kết cấu. Những thay đổi về cấu trúc này ít nhiều đều làm thay đổi sắc thái biểu đạt của các đơn vị thành ngữ, tục ngữ. Nó có thể dẫn đến hiện tượng mở rộng, nhấn mạnh hoặc mang nghĩa đối lập về ngữ nghĩa của chúng. Nghiên cứu biến thể giúp thấy rõ hơn giá trị ngôn ngữ - văn hóa, sự biến đổi đa dạng về cách thức biểu đạt của thành ngữ, tục ngữ trong cuộc sống của người Việt.

**Từ khóa:** biến thể cú pháp, biến thể nghĩa khả biến, biến thể nghĩa bất biến, thành ngữ và tục ngữ, tiếng Việt

**Abstract:** The article uses qualitative descriptive method in the direction of synchronous research to clarify the syntactic features of variant units in Vietnamese idioms and proverbs. Unlike the group of invariant semantic variants, in the group of mutable semantic variants, the phenomena of variation appear at almost all linguistic levels. Research results show that syntactic variations are formed by two methods: adding words and inverting structures. These structural changes more or less change the expressive nuances of idiomatic and proverbial units. It can lead to their expansion, emphasis or semantic opposite. Studying variations helps to see more clearly the linguistic and cultural values, the diversity of expressions of idioms and proverbs in the life of Vietnamese people.

**Keywords:** syntactic variation, variable meaning variation, immutable meaning variant, idioms and proverbs, Vietnamese

---

\* Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

## I. Đặt vấn đề

Xuất phát từ mối liên hệ hữu cơ của ngôn ngữ và văn hóa, tác giả Hoàng Văn Hành (2003, tr. 143-162) cho rằng: hướng nghiên cứu đồng đại với việc nghiên cứu các biến thể của các đơn vị thành ngữ sẽ giúp làm rõ những qui tắc biến đổi về hình thái cấu trúc, qui tắc tạo nghĩa của thành ngữ, khám phá những trầm tích văn hóa - ngôn ngữ mang tính phương ngữ địa lí và phương ngữ xã hội.

Các nghiên cứu về biến thể của thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt, theo khảo sát của chúng tôi, cho đến nay là chưa nhiều. Tuy nhiên, có thể kể đến các công trình tiêu biểu của tác giả Nguyễn Đức Dân (1986) - đề cập đến qui luật tạo biến thể, tác giả Đỗ Thị Kim Liên (2014) - nghiên cứu biến thể thành ngữ qua ngữ liệu văn học Nam bộ thời kì cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20. Bài viết của chúng tôi kế thừa và vận dụng những thành tựu về lí thuyết biến thể của các học giả đi trước vào thực tiễn nghiên cứu biến thể cú pháp trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt. Với ngữ liệu phân tích được giới hạn ở phạm vi các đơn vị có yếu tố chỉ con giáp, chúng tôi hi vọng kết quả nghiên cứu sẽ góp phần lấp bớt khoảng trống, làm phong phú thêm nguồn tài liệu tham khảo trong lĩnh vực này.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Về khái niệm biến thể

Theo tác giả Đỗ Thị Kim Liên (2014, tr. 12), trong sử dụng, thành ngữ chịu ảnh hưởng của phương ngữ vùng miền và cấu tạo của nó có sự biến đổi phụ thuộc vào sự sáng tạo của người sử

dụng trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể. Tác giả sử dụng thuật ngữ thành ngữ *nguyên dạng* (thành ngữ gốc) khi thành ngữ đứng độc lập, giống như từ xét trong từ điển; thành ngữ trong sử dụng được gọi là *biến dạng* (đồng nhất với cái mà tác giả Hoàng Văn Hành (2003) gọi là “biến thể”). Về ngữ nghĩa, nhìn chung, các nhà Việt ngữ đều cho rằng, thành ngữ và tục ngữ mang tính biểu trưng, có nghĩa khái quát. Điều này được là do đặc trưng truyền miệng và yêu cầu về tính hàm súc, cô đọng của nó. Chỉ có một số ít các đơn vị có chức năng truyền kinh nghiệm thường mang tính đơn nghĩa, kiểu như: *Ráng mỡ gà ai có nhà thì chống, Chóp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa...* Bên cạnh đó, một quan hệ lo gic có nhiều cách diễn đạt khác nhau, vì vậy, với một bất biến ngữ nghĩa (nghĩa khái quát hay nghĩa biểu trưng) sẽ tồn tại nhiều biến thể cú pháp khác nhau (Nguyễn Đức Dân, 1986, tr.5).

### 2.2. Về cấp độ và phương thức tạo biến thể

#### 2.2.1. Về cấp độ và phương thức tạo biến thể của tục ngữ

Tác giả Nguyễn Đức Dân (1986, tr.7-8) nghiên cứu về qui luật của biến thể, ông đã chia biến thể trong tục ngữ tiếng Việt, thành hai cấp độ:

Một là trường hợp của bất biến ngữ nghĩa (tức hình ảnh biểu trưng) “Người làm nghề A không có sản phẩm a” với các biến thể như: *Hàng săng chết bó chiếu* (hàng săng bán quan tài nhưng khi chết lại không có quan tài chôn - HTY<sup>†</sup>), *Thợ rèn không dao ăn trầu* (thợ rèn rèn

---

† Hoàng Thị Yến chú giải

dao, búa nhưng lại không có con dao ăn trâu bé xíu - HTY). Có thể thấy, các đơn vị này sử dụng những chất liệu thẩm mỹ khác nhau, những phương tiện ngôn ngữ ít nhiều có kết cấu không giống nhau để biểu đạt cùng một tín hiệu thẩm mỹ. Dựa vào đặc điểm này, chúng tôi tạm gọi các đơn vị tục ngữ thuộc cấp độ này là *biến thể nghĩa bất biến*.

Hai là các đơn vị thành ngữ, tục ngữ đồng nghĩa nhưng người ta có thể thêm bớt các từ trở quan hệ ngữ pháp hay dùng các từ gần nghĩa/đồng nghĩa, ví dụ: *Thợ rèn không dao ăn trâu, Thợ rèn chẳng dao ăn trâu, Thợ rèn thiếu dao ăn trâu...* Các đơn vị vừa dẫn chỉ khác nhau ở nhóm từ đồng nghĩa - hay gần nghĩa vì chúng mang những sắc thái biểu cảm ít nhiều khác nhau (đó là *không - chẳng - thiếu*). Với sự thay đổi trên, ý nghĩa của các đơn vị tục ngữ ít nhiều có sự thay đổi về sắc thái hoặc/và ý nghĩa tùy theo các yếu tố tạo nên sự thay đổi là yếu tố tạo nên biến thể ở cấp độ từ vựng hay yếu tố tạo nên biến thể ở cấp độ cú pháp. Vì thế, để tiện làm việc, chúng tôi tạm gọi các đơn vị thuộc cấp độ này là *biến thể nghĩa khả biến*.

#### 2.2.2. Về cấp độ và phương thức tạo biến thể của thành ngữ

Tác giả Nguyễn Đức Dân (1986, tr.7-9) cho rằng, thành ngữ tiếng Việt không có *biến thể nghĩa bất biến*. Tuy nhiên, trong ngữ liệu thành ngữ, chúng tôi phát hiện một số đơn vị có cùng một quan hệ logic - kí hiệu, cùng một phạm trù logic - ý nghĩa tương tự như trường hợp của *Hàng săng chết bó chiếu, Thợ rèn không dao ăn trâu*. Ví dụ như: *Gà giò ngựa cựa, Ngựa non háu đá đều* có chung một nghĩa biểu trưng là: “Kẻ yếu lại hiều chiến”. Vì

thế, theo chúng tôi, ở thành ngữ, vẫn tồn tại biến thể ở cấp độ thứ nhất - tức là biến thể nghĩa bất biến.

Ở cấp độ thứ hai (tức *biến thể nghĩa khả biến* - HTY), tác giả Nguyễn Đức Dân (1986, tr.8-9) cho rằng có hai qui luật tạo biến thể cho các đơn vị có tính biểu trưng. Một là, thay thế bằng từ đồng nghĩa ngữ cảnh. (Ví dụ, biến thể của *Có oản phụ xôi* (Có A phụ B), có thể tạo thành các biến thể như: *Được oản bỏ xôi, Có oản chê xôi, Được oản quên xôi...*). Hai là, chỉ cần tìm A và B là hai sự vật cùng loại và A trội hơn B thì có khả năng tạo thành các biến thể như: *Có trăng phụ đèn, Có vả phụ sung, Có xương sông (tinh) phụ lá nốt* Ngoài ra, với thành ngữ *Bầm gan tím ruột*, ta có: 1) biến thể ngữ pháp là *Bầm ruột tím gan, Tím gan bầm ruột* ; 2) biến thể từ vựng là *Bầm gan bầm ruột, Tím gan tím ruột...* Chỉ với một vài sự biến đổi nhỏ, ông cha ta lại có thể tạo nên sự đa dạng, phong phú về hình thái cấu trúc và sắc thái ý nghĩa của các đơn vị thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt.

### III. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Chúng tôi xác định mục đích của bài viết là hướng tới việc làm rõ đặc điểm của thành ngữ và tục ngữ với những biến thể phong phú. Dựa trên những thành tựu của các tác giả đi trước, chúng tôi xác định biến thể của thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt là hai nhóm: *biến thể nghĩa bất biến* (nhóm biến thể có nghĩa không đổi, khác nhau về cách biểu đạt) và *biến thể nghĩa khả biến* (nhóm biến thể có nghĩa thay đổi ít nhiều do có sự thay đổi giữa các nhóm từ vựng hay các từ chỉ quan hệ ngữ pháp).

Thực tế nghiên cứu cho thấy, việc xác định thành ngữ, tục ngữ nguyên dạng là vô cùng khó khăn và cần có những công trình theo hướng lịch đại để có thể truy nguyên nguồn gốc và làm rõ quá trình biến đổi của chúng. Vì thế, khi cần thiết, chúng tôi tạm xác định bằng cảm quan của cá nhân, chọn các đơn vị có tính ổn định, chặt chẽ và sử dụng các chất liệu quen thuộc với tâm thức người Việt nhất là đơn vị gốc (hay nguyên dạng). Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị biến thể nghĩa bất biến cần có một nghiên cứu riêng. Bên cạnh đó, các đơn vị thành ngữ, tục ngữ gốc Hán cũng không được xét do tính chất đặc trưng của nó. Ở nhóm biến thể nghĩa khả biến, cần xem xét theo cấp độ từ vựng và cấp độ cú pháp. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày những kết quả nghiên cứu về đặc điểm của nhóm biến thể cú pháp trong thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt.

### 3.2. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Ngữ liệu khảo sát là khoảng 1100 đơn vị thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt có yếu tố chỉ con giáp được chúng tôi thu thập từ các công trình của: Mã Giang Lân (1999), Hoàng Văn Hành (2003), Vũ Ngọc Phan (2008), Nguyễn Lân (2016)... Chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu theo các bước sau: 1) Nhận diện và thu thập các nhóm biến thể của thành ngữ, tục

ngữ có yếu tố chỉ con giáp trong tiếng Việt theo cấp độ biến thể và cấp độ ngôn ngữ.

2) Tiến hành miêu tả, phân tích định tính nhằm làm rõ đặc điểm biến thể biến thể cú pháp theo các tiểu nhóm: kết cấu mở rộng và kết cấu đảo. Ngữ liệu các biến thể cú pháp cho thấy, các đơn vị kết cấu đảo thường là các đơn vị có cấu trúc đối xứng, đặc biệt là các đơn vị là thành ngữ đối xứng. Trong khi đó, các đơn vị tục ngữ có kết cấu mở rộng thường biến đổi theo các phương thức sau: i) mở rộng thêm một vế (thường với tục ngữ); ii) thêm từ/cặp từ (ở cả thành ngữ và tục ngữ).

## IV. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Nhóm biến thể có kết cấu đảo

Hiện tượng đảo thường xảy ra ở những đơn vị thành ngữ, tục ngữ có kết cấu đối xứng. Trong ngữ liệu thu thập được, chúng tôi phát hiện hiện tượng tạm gọi là *đảo đôi* - vừa có ý nghĩa là đảo hai vế có cấu tạo bởi hai âm tiết vừa tạo thành hai đơn vị biến thể trong đó các chất liệu thẩm mỹ thường được giữ nguyên. Hiện tượng này xuất hiện ở những đơn vị thành ngữ 4 chữ được cấu trúc bởi hai vế đối xứng.

Thuộc nhóm đảo đôi, chúng ta có các dạng thức phân theo cấu trúc tạo thành mỗi vế đẳng lập sau: 1) kết cấu chủ - vị (*rồng - bay*); 2) kết cấu danh từ ghép (chính - phụ: *đầu - trâu*). Có thể quan sát các ví dụ sau:

cấu trúc	dạng 1	dạng 2
<i>kết cấu chủ - vị</i>	Voi giày ngựa xéo	Ngựa xéo voi giày
	Rồng bay phượng múa	Phượng múa rồng bay
<i>kết cấu danh từ ghép (chính-phụ)</i>	Miệng hùm nọc rắn	Nọc rắn miệng hùm
	<i>Đầu trâu mặt ngựa</i>	Mặt ngựa đầu trâu

Thuộc nhóm đảo đôi, có thể thấy cấu trúc của hai vế là tách biệt, cố định (*voi - giày, ngựa - xéo*), không có sự trao đổi giữa chủ thể và hành động (ví dụ: *voi - xéo, ngựa - giày*). Điều này xuất phát từ sự thống nhất giữa chủ thể và đặc trưng cố hữu đi kèm của nó. Có thể thấy rõ hơn khi quan sát các trường hợp sau: *miệng*

Nhóm từ	Dạng 1	Dạng 2	Dạng 3	Dạng 4
<i>phượng/tía/ rông/ rông - rông/ rông/ phượng/ tía</i>	<i>Gác phượng lầu rông</i>	<i>Gác tía lầu rông</i>	<i>Lầu rông gác phượng</i>	<i>Lầu rông gác tía</i>

Có thể thấy, *lầu rông* dù đứng ở vị trí đằng trước hay đằng sau đều giữ nguyên, không đổi. *Gác phượng* thì có biến thể là *gác tía*. Có thể vị thế của *rông - vị* thân tạo mưa trong tâm thức của người Việt - một dân tộc thuộc vùng văn hóa lúa nước và trong tương quan với loài vật khác là *phượng* luôn được đề cao, khó thay thế.

Kết cấu đảo không xuất hiện phổ biến ở nhiều đơn vị thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt. Tuy nhiên, có thể nói đây là bước biến đổi đầu tiên - ở kết cấu thành ngữ và tục ngữ. Cấu trúc ổn định và cô đọng, chặt chẽ của thành ngữ và tục ngữ cho thấy một sự hoán đổi vị trí của các thành phần trong câu. Trường hợp của kết cấu đảo với sản phẩm là 4 biến thể là một minh chứng thuyết phục hơn cho thấy kết cấu của các đơn vị ngôn ngữ đặc biệt là thành ngữ và tục ngữ không phải là hoàn toàn cố định, không thể chêm xen, mở rộng.

#### 4.2. Nhóm biến thể có kết cấu mở rộng

Thực tế cho thấy, khó có thể xác định được là hiện tượng thêm hay bớt từ ngữ ở các đơn vị thành ngữ, tục ngữ bởi việc xác

*hùm, nọc rắn* biểu trưng cho sự nguy hiểm đến tính mạng; *đầu trâu và mặt ngựa* biểu trưng cho sự trơ cứng, ngang tàng, bất chấp...

Tuy nhiên, cũng có trường hợp đảo kết hợp với thay đổi chất liệu thẩm mỹ có thể tạo thành hiện tượng đảo có thể tạo thành 4 biến thể, ví dụ:

định các đơn vị gốc, đơn vị nguyên dạng của tục ngữ, thành ngữ là không dễ dàng. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất hàm súc, ngắn gọn của thành ngữ, tục ngữ, chúng tôi coi các đơn vị có hình thức ngắn gọn hơn làm đơn vị nguyên dạng. Các đơn vị mở rộng một hoặc hơn một từ hay thành phần được coi là các đơn vị mở rộng. Ở nhóm mở rộng bằng cách thêm từ, tùy theo mức độ mở rộng so với đơn vị nguyên dạng, các đơn vị này sẽ được chia thành biến thể mở rộng bậc hai hay bậc ba... Xét tính chất của những đơn vị thuộc nhóm này, chúng tôi tạm gọi hiện tượng này là *giải nén*. Tức là, đơn vị gốc là sản phẩm của việc rút gọn, nén thông điệp, ý nghĩa của tục ngữ, thành ngữ vào một vỏ ngôn ngữ ngắn gọn và hàm súc nhất. Với hình thức ngắn gọn và ngữ nghĩa hàm súc này, thành ngữ và tục ngữ được truyền lại cho đời sau qua các giai đoạn của lịch sử.

Kết cấu mở rộng là nhóm các đơn vị thành ngữ, tục ngữ biến thể có kết cấu dài hơn, ý nghĩa cũng được gia tăng hoặc cụ thể hơn đơn vị gốc, giúp người dùng dễ hiểu và vận dụng trong giao tiếp ngôn ngữ. Theo mức độ và phương thức mở rộng, có thể phân thành các tiểu nhóm sau: 1) Mở

rộng bằng cách thêm từ ngữ; 2) Mở rộng bằng cách thêm một vế - một mệnh đề.

#### 4.2.1. Mở rộng bằng cách thêm từ

Trong giao tiếp, để người nghe dễ hiểu hoặc hiểu đúng ý nghĩa, các đơn vị nguyên dạng được người sử dụng chêm xen thêm bằng các đơn vị từ vựng khác nhau tùy theo các biến tố đặc trưng mang tính chất xã hội (giới tính, lứa tuổi, giai tầng, học thức...). Người nói cũng có thể

thêm các đơn vị biểu đạt quan hệ ngữ pháp để làm biến đổi sắc thái ý nghĩa hoặc làm thay đổi thái độ của người nói. Chúng ta có thể xếp vào nhóm cấu trúc có dạng thức hai bậc các đơn vị đưa thêm vào, chêm xen thêm vào các đơn vị thành ngữ, tục ngữ nguyên dạng (hay thành ngữ, tục ngữ gốc) từ một đến hai đơn vị từ vựng. Trong đó, dạng đơn giản nhất là thêm từ biểu thị so sánh ngang bằng như vào phía trước đơn vị thành ngữ, ví dụ<sup>‡</sup>:

Cấu trúc	Dạng thức 1	Dạng thức 2
<b>Ax =&gt; như Ax</b>	<i>Khỉ đỏ đít</i>	<i>Như khỉ đỏ đít</i>
<b>Av =&gt; như Av</b>	Đười ươi giữ ống	Như đười ươi giữ ống
<b>dạy Av =&gt; như dạy Av</b>	Dạy khi leo cây	Như dạy khi leo cây

Một vài các biến thể khác xuất hiện trong ngữ liệu khá đa dạng, tùy theo cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa của đơn vị thành ngữ, tục ngữ. Ví dụ như: i) thêm 1 đơn vị là tính từ làm định ngữ (*Da trắng như trứng gà bóc*); động từ dùng (*Chó dữ dùng xích ngắn*); ii) thêm hai đơn vị là

bộ phận cơ thể, chỉ rõ hơn đối tượng của hành động (*Treo đầu dê, bán thịt chó*); thêm động từ ăn và thay đổi đối tượng hành động (*Nắng ăn gói, mưa ăn thịt chó*); đưa thêm cặp từ chỉ quan hệ logic ngữ nghĩa *chưa - đã* (*Chưa khỏi vòng đã cong đuôi*)...

cấu trúc	dạng 1	dạng 2
<b>A như B =&gt; Ax như By</b>	<i>Da như trứng gà bóc</i>	Da trắng như trứng gà bóc
<b>treo A bán B =&gt; treo xA bán yB</b>	<i>Treo dê bán chó</i>	<i>Treo đầu dê, bán thịt chó</i>
<b>nắng A mưa B =&gt; nắng vA mưa vB'</b>	Nắng gói mưa cây	<i>Nắng ăn gói, mưa ăn thịt chó</i>
<b>Ax By =&gt; Ax dùng By</b>	Chó dữ xích ngắn	Chó dữ dùng xích ngắn
<b>xA yB =&gt; chưa xA đã yB</b>	Khỏi vòng cong đuôi	Chưa khỏi vòng đã cong đuôi

Dạng thức thêm từ theo 3 bậc cho thấy những sắc thái nghĩa biến đổi khá thú vị. Trường hợp đầu tiên *Xui ăn cứt gà* đã được nén chặt, không thể cắt thêm một từ

nào nữa. Khi giải nén, ở bậc thứ nhất, đơn vị từ vựng thêm vào giải thích đối tượng của hành động chính *xui*: - *Xui ai?* - *Xui tré*. Ở bậc thứ hai, làm rõ hơn mức độ

‡ Trong bài viết, để tiện khi miêu tả các cấu trúc của thành ngữ, tục ngữ, chúng tôi dùng các kí hiệu sau: A, B, C, D là các danh từ, x/X và y/Y là các tính từ, v/V là động từ, o/O là tân ngữ

trẻ của đối tượng - *trẻ con* - là nhi đồng (không phải người trẻ là thanh thiếu niên).

Ở trường hợp thứ 2, ý nghĩa của tục ngữ *Gà ngày gió, chó ngày mưa* trở nên mơ hồ, khó hiểu do chỉ thu thập được thông tin: i) con vật; ii) thời tiết của ngày nào đó.

*Giải nén* bằng cách thêm từ ở bậc thứ nhất, ta có thêm thông tin là *bán gà - bán chó*. Tuy nhiên, nếu thiếu kiến thức nền, người đọc/người nghe có thể không biết được tác động hay ảnh hưởng của hành động *Bán gà vào ngày gió, bán chó vào ngày mưa* là tốt hay xấu, là lãi hay lỗ.

Ở bậc tiếp theo, với từ *chó* - khuyên không nên thực hiện hành động được biểu đạt bởi động từ phía sau được lặp lại ở trước mỗi vế, có thể hiểu một cách chính xác và tường minh thông điệp của bài học giáo huấn, kinh nghiệm mà ông cha ta muốn truyền lại cho con cháu: *Không nên bán gà ngày nhiều gió, không nên bán chó vào ngày trời mưa*. Thời tiết có tác động khác nhau đối với mỗi loài vật nuôi, khi đó vật nuôi dễ bị ốm mệt nên không bán được giá, người nông dân sẽ chịu thiệt hại về kinh tế....

Cấu trúc	Dạng 1	Dạng 2	Dạng 3
<b>xui Vo &lt;=&gt; xui A Vo</b> <b>&lt;=&gt; Xui Ax Vo</b>	Xui ăn cút gà	Xui trẻ ăn cút gà	Xui trẻ con ăn cút gà
<b>Ax, By &lt;=&gt; V Ax, V By &lt;=&gt; chó V Ax, chó V By</b>	Gà ngày gió, chó ngày mưa	Bán gà ngày gió, bán chó ngày mưa	Chó bán gà ngày gió, chó bán chó ngày mưa

Đặc biệt, chúng tôi phát hiện trong nguồn ngữ liệu xuất hiện một số đơn vị vừa có hiện tượng thêm từ để mở rộng câu, vừa thay đổi chất liệu thẩm mỹ (thay đổi từ).

cấu trúc	dạng gốc => dạng biến đổi 1/2
<b>Được A đòi B</b> <b>=&gt; Được (xA) đòi xC)</b>	<i>Được voi đòi tiên</i> <i>=&gt; Được đầu voi đòi đầu ngựa</i>
<b>Xx Yy</b> <b>=&gt; X chuộng x, Y chuộng y</b> <b>=&gt; AX chuộng x, BY chuộng y</b>	<b>Đực sê sẽ chồm</b> <i>=&gt; Đực chuộng phe, sê chuộng chồm</i> <i>=&gt; Lợn đực chuộng phe, lợn sê chuộng chồm</i>
<b>AB CD</b> <b>=&gt; như A gặp B, như C gặp D</b>	<i>Cá nước rông mây</i> <i>=&gt; Như cá gặp nước như rông gặp mây</i>

Có thể thấy, ở ví dụ thứ nhất, do A và B không cùng bậc (*voi - tiên*) nên trong biến thể đã có sự thay thế B bằng một đơn vị từ vựng khác xC (*đầu ngựa*), cùng bậc nhưng vẫn có sự chênh lệch về giá trị - tức có giá trị hơn xA (*đầu voi*). Ở ví dụ thứ hai, đơn vị gốc có hai dạng thức biến thể theo hai cấp độ biến đổi - thêm từ: i) làm rõ thái độ - ưa chuộng/thích (*Đực chuộng phe*); ii) làm rõ chủ thể (*Lợn sê chuộng chồm*). Bên cạnh đó, có thêm sự thay đổi về từ vựng

giữa đơn vị gốc và các đơn vị biến thể: *sê => phe*. Ở ví dụ thứ 3, ý nghĩa gặp thời vận tốt nên thăng hoa, phát triển được nén chặt trong cấu trúc ABCD (*Cá nước rông mây*) Ở đây xuất hiện kết cấu đặc biệt gồm 4 yếu tố cấu thành nên đơn vị thành ngữ đều là danh từ. Trong giao tiếp hàng ngày nó có thể được giải nén để trở thành một đơn vị có biểu hiện so sánh khá mềm mại: *Như cá gặp nước, như rông gặp mây*, hoặc có thể tách rời hai vế và sử dụng riêng biệt.

4.2.2. Mở rộng bằng cách thêm một vế

Mở rộng thêm một vế, có sự nâng cao về cấp độ nhưng về bản chất, ý nghĩa của nó là tương đồng - tức cùng biểu đạt một tín hiệu thẩm mỹ. một nghĩa biểu

Dạng 1	Dạng 2
Gà ba lần vỗ cánh mới gáy	Gà ba lần vỗ cánh mới gáy, người ba lần ngẫm nghĩ mới nói (Tây)
Chó ba quanh mới nằm	Chó ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói

Kết cấu mở rộng của các biến thể cú pháp cho thấy sự đa dạng về cấu trúc của các đơn vị biến thể. Đây cũng là nhóm biến thể thực hiện sứ mệnh *giải nén* cấu trúc hoàn chỉnh của đơn vị thành ngữ và tục ngữ gốc hiệu quả so với kết cấu đảo.

Với kết cấu mở rộng và kết cấu đảo, các biến thể cú pháp mang những dạng thức khá phong phú và phức tạp. Kết cấu đảo thường bị giới hạn ở các đơn vị có cấu trúc đối xứng. Kết cấu mở rộng có phạm vi từ hẹp đến rộng, có thể chỉ thêm một đơn vị từ vưng hay đến thêm cả một vế có cấu trúc và ngữ nghĩa tương ứng với vế trước. Số lượng các biến thể là phương tiện biểu đạt một ý nghĩa khái quát hay nghĩa biểu trưng - tín hiệu thẩm mỹ - cũng đa dạng, có thể là nhóm hai hoặc ba và bốn đơn vị. Có thể thấy một phần sức sống nội tại và năng lực sản sinh mạnh mẽ của ngôn ngữ trong đời sống xã hội qua các kết quả nghiên cứu về biến thể của các đơn vị thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt.

Nếu cần tổng kết thành một mô hình khái quát cho chu trình hình thành và phát triển của các đơn vị ngôn ngữ đặc biệt là thành ngữ và tục ngữ, chúng tôi cho rằng có thể được hình dung qua các giai đoạn như sau: (1) *lời ăn tiếng nói hàng ngày* - được rút gọn về cấu trúc - hình thái và hàm

trung. Thuộc tiểu nhóm này, vế gốc thường chiếm giữ vị trí phía trước, vế được mở rộng thường ở vị trí phía sau. Dạng thức khá quen thuộc xuất hiện trong ngữ liệu là: vế trước liên quan đến động vật, vế sau liên quan đến con người, ví dụ:

súc về ý nghĩa trở thành (2) *thành ngữ và tục ngữ* - thực hiện chức năng giáo huấn - truyền kinh nghiệm, phê phán châm biếm và phản ánh thời đại, xã hội, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác qua con đường truyền miệng, để thích hợp với thời đại và đối tượng tiếp nhận, người dùng lại sử dụng các phương tiện ngôn ngữ theo chiến lược giao tiếp phù hợp để *giải nén* hình thức cô đọng vốn có của nó, tạo nên (3) *các biến thể* bằng con đường từ vưng và cú pháp, nhằm chuyển tải thông điệp thuận lợi, đạt được hiệu quả giao tiếp một cách cao nhất. Tuy nhiên, chu trình này có thể không khép kín, bởi - theo nhận xét chủ quan của chúng tôi, các đơn vị biến thể vẫn mang đậm tính chất, đặc trưng của thành ngữ, tục ngữ. Vì thế, nó vẫn là đơn vị đặc biệt - khu biệt với các đơn vị ngôn ngữ khác trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của người Việt.

#### IV. Kết luận

Tuy giới hạn trong phạm vi ngữ liệu là các đơn vị thành ngữ, tục ngữ có yếu tố chỉ con giáp nhưng kết quả nghiên cứu cũng cho thấy phần nào diện mạo về cú pháp khá phong phú của thành ngữ, tục ngữ trong giao tiếp. Các đơn vị biến thể được sàng lọc qua thử thách của con người và thời gian, nó khá gần gũi và dễ dùng.



Kết cấu đảo và mở rộng của các biến thể cho thấy khía cạnh khác của đặc trưng ổn định về cấu trúc của các đơn vị thành ngữ và tục ngữ tiếng Việt. Bên cạnh đó, trong tương lai vẫn cần thêm các nghiên cứu về biến thể thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt từ góc nhìn lịch đại để có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về vấn đề này.

***Tài liệu tham khảo:***

- [1]. Nguyễn Đức Dân, Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ: sự vận dụng, *Ngôn ngữ 3* (1986) 31-11
- [2]. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*. Nxb Khoa học xã hội (2003).

[3]. Mã Giang Lân, *Tục ngữ và ca dao Việt Nam*. Nxb Giáo dục (1999).

[4]. Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng (2016).

[5]. Đỗ Thị Kim Liên, Thành ngữ tiếng Việt cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua sáng tác của một số nhà văn Nam Bộ tiêu biểu. *Nghiên cứu Nước ngoài* 30 (2014) 4, 10-18

[6]. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nxb Văn học (2008).

***Địa chỉ tác giả: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội***

***Email: hoangyen70@gmail.com***

